Reading Practice

- 1. 二月有二十八天
- 2. 我们二十五个人 dou dào dàxué qù niànshū.
- 3. Nà 三个 háizi 天天 chàng 中 guó gēr.
- 4. 他们两 wèi dōu没有 biǎo.
- 5.你们的小 háizi 没有 qián.
- 6. Zuó天有六七个人 zài 1óu 下 kàn bào.
- 7. 天天 zǎo上我 zài我们 jiāli chīfàn.
- 8. 有人 shuō 小的不是我的.
- 9. 我们jiā一 gòng 有九个大人。
- 10. 他们没有小 háizi 我们也没有小 háizi.
- 11. 我,你,他,我们三个人dou是 xuésheng.
- 12. Nà 两个中 guó人有两个小 nữháizi 没有nán 的.
- 13. 上tou 的 nà 个是我的.
- 14. 他们是十二月九hào 1ái的.